

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 212/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 16 - 12 - 2021  
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thành Thật,
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 347/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị D, sinh năm 1990

Cư trú: Thôn A4, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ liên hệ: Số 10/4 đường Ph, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang

*2. Bị đơn:* Ông Phan Công L, sinh năm 1984

Cư trú: Số 1083/9, Tổ 12, khóm K7, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang;

*Tại phiên tòa bà D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ngô Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông Phan Công L tìm hiểu rồi yêu thương và

tự nguyện tiến đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã nhau, làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mặc dù cố gắng lắm nhưng bà D không thể hàn gắn tình cảm được. Vì vậy, bà D yêu cầu được ly hôn ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống bà D và ông L có một con chung là cháu Phan Ngọc Cát T, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2015. Hiện nay cháu đang sống với bà D, bà D yêu cầu sau khi ly hôn bà được nuôi bé T, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Phan Công L trình bày:* Không cung cấp ý kiến và tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến. Ông L vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: (1) Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông L tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk ngày 14 tháng 8 năm 2017. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc với nhau đến một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông L, bà D nhưng ông L vẫn vắng mặt, không có ý kiến trình bày, bà D vẫn cương quyết ly hôn, xin vắng mặt tại các phiên hòa giải. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông L, bà D đã đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà D là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. (2) Về con chung: Có một con chung là Phan Ngọc Cát T, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2015, bà D yêu cầu quyền được nuôi dưỡng chăm sóc con. Nhận thấy, con chung hiện đang được bà D nuôi dưỡng, do đó nhằm đảm bảo ổn định về mặt tinh thần cũng như đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề xuất giao con chung cho bà D chăm sóc nuôi dưỡng. (3) Về cấp dưỡng nuôi

con: Bà D không yêu cầu nên không xét đến. (4) Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Ngô Thị D và ông Phan Công L kết hôn có đăng ký kết hôn; bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn ông L là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà D và ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông L tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Bà D cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ việc bất đồng ý kiến trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng bà D kiên quyết xin ly hôn. Về phía ông L, quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện ông L không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác, theo kết quả xác minh của Tòa án thì hiện nay bà D không có đăng ký hộ khẩu thường trú hay sinh sống tại cùng địa chỉ cư trú với ông L. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà D và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: bà D xác định bà và ông L có một con chung là cháu Phan Ngọc Cát T, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2015. Bà D có yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: ông L không cung cấp ý kiến về con chung và vấn đề cấp dưỡng cho con, hiện nay cháu T cũng không sinh sống cùng ông L mà do bà D nuôi dưỡng. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D về vấn đề con chung, nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L cũng không cung cấp ý kiến về các vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Ngô Thị D được ly hôn với ông Phan Công L.

2. Về con chung:

Bà Ngô Thị D và ông Phan Công L có 01 (một) con chung là cháu Phan Ngọc Cát T, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2015.

Bà Ngô Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Phan Ngọc Cát T. Bà Ngô Thị D và thành viên gia đình không được cản trở ông Phan Công L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Ngọc Cát T.

Ông Phan Công L không phải cấp dưỡng cho cháu Phan Ngọc Cát T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000430 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND x. K, h. P, t. Đắc Lắc;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Thúy Hoa**

**Lê Thành Thật**

**Nguyễn Thùy Giang**